

VÉN MÀN BÍ MẬT NỮ THẦN ISIS

QUYỂN I – KHOA HỌC

Tác giả xin kính dâng bộ sách này cho Hội Thông Thiên Học, được sáng lập ở New York, năm 1875 sau Công nguyên, ĐỂ HỘI NGHIÊN CỨU NHỮNG ĐỀ TÀI MÀ BỘ SÁCH BÀN TỚI.

CHƯƠNG IV

CÁC THUYẾT LIÊN QUAN TỚI HIỆN TƯỢNG THÔNG LINH

- Thuyết của Gasparin.
 - . . . Thury.
 - . . . Mousseaux; Mirville
 - . . . Babinet.
 - . . . Houndi.
 - . . . các ông Royer và Jobart de Lamballe.
- Hai anh em sinh đôi – “trí nào vô thức” và “truyền âm nhập mật vô thức”.
- Thuyết của Crookes.
 - . . . Faraday.
 - . . . Chevreuil.
 - Mendeleeff đã ủy thác điều gì vào năm 1876.
 - Sự mù quáng của linh hồn.

“Tôi chọn phần cao quý của Emerson khi ông kêu lên ‘Tôi khao khát sự thật’ sau nhiều lần vỡ mộng. Niềm vui của chủ nghĩa anh hùng đích thực tràn ngập tâm hồn kẻ nào thật sự có thẩm quyền nói như thế.”

TYNDALL

“Một số xác nhận cũng đủ rồi khi nó dựa vào:

1. một số các nhân chứng rất biết điều. Họ đồng ý đã thấy rõ rệt.
2. họ lành mạnh cả về thể xác lẫn tâm trí.
3. họ vốn vô tư và bất vụ lợi.
4. họ đồng thanh nhất trí.
5. họ long trọng chứng nhận sự kiện.”

VOLTAIRE, *Từ điển Triết học.*

Bá tước Agenor de Gasparin là một tín đồ Tin Lành thuần thành. Ông đã đấu tranh lâu dài và quyết liệt với des Mousseaux, de Mirville và những kẻ cuồng tín khác đã đổ lỗi các hiện tượng thần linh cho quỷ Sa tăng. Kết quả là hai quyển sách dày trên 1.500 trang chứng tỏ các *hiệu quả*, chối bỏ *nguyên nhân* và sử dụng những nỗ lực siêu nhiên để chế tác ra mọi lời giải thích khả hữu khác mà người ta có thể gợi ý khác hơn so với lời giải thích đúng đắn.

Mọi người Âu Tây văn minh đều có đọc lời khiển trách nặng nề của ông de Gasparin mà Tạp chí *Các cuộc Tranh luận* đã nhận được ^[1]. Sau khi nhà quý tộc ấy đã mô tả tỉ mỉ nhiều pha trình diễn mà chính ông đã chứng kiến thì tờ báo này rất xác xược đề nghị với những vị có thẩm quyền ở Pháp hãy gửi những kẻ nào cứ khăng khăng tin vào điều hão huyền ấy tổng vào nhà thương điên dành cho *những kẻ hết thuốc chữa*, sau khi những kẻ ấy đã đọc bài phân tích *hay ho* về các “ảo giác thần linh” mà Faraday đã công bố. De Gasparin viết thư trả lời như sau: “Coi chừng các đại diện của khoa học chính xác đang sắp sửa trở thành các vị *Phán quan của Tòa án Tôn giáo* thời nay . . . Các sự

[1] “Những cái Bàn”, quyển I, trang 213.

kiện có sức mạnh nhiều hơn các Hàn lâm viện. Cho dù bị bác bỏ, chối bỏ, chế nhạo, song le chúng vẫn là các sự kiện và cứ tồn tại hoài ^[1].

Trong tác phẩm đồ sộ của de Gasparin ta có thể thấy những lời khẳng định sau đây về các hiện tượng lạ trên cõi trần mà chính ông và Giáo sư Thury đã chứng kiến.

“Các nhà thực nghiệm thường thấy chân của cái bàn có thể coi là *dính vào sàn* và mặc dù những người có mặt rất kích động thì những chân bàn đó không chịu rời khỏi chỗ. Có những dịp khác họ lại thấy những cái bàn khinh thân một cách rất mạnh mẽ. Chính tai họ nghe thấy những tiếng vỗ lớn cũng như nhỏ, những tiếng vỗ đe dọa làm bể nát cái bàn ra thành từng mảnh vì chúng rất mạnh bạo, còn những tiếng vỗ nhẹ êm dịu đến nỗi hầu như ta khó lòng nhận thức được. . . Còn về phần SỰ KHINH THÂN KHÔNG TIẾP XÚC thì ta thấy có những phương tiện tạo ra chúng dễ dàng và rất thành công . . . Và những sự khinh thân như thế không phải là những kết quả riêng lẻ. Chúng tôi đã mô phỏng được chúng hơn 30 lần ^[2]. Một ngày kia cái bàn lại xoay và lần lượt nhấc bổng chân lên khi trọng lượng của nó được gia tăng do một người nặng 87 kg ngồi trên đó; còn lần khác thì nó vẫn bất động và *không thể di chuyển được* mặc dù người ngồi trên đó chỉ cân nặng có 60 kg thôi ^[3]. Có dịp chúng tôi sẽ muốn cho nó bị chống ngược lên trên và nó quay ngược thật với những cái chân lơ lửng trong không trung mặc dù các ngón tay của chúng tôi *chưa từng bao giờ chạm tới nó* ^[4].

De Mirville nhận xét rằng “Chắc chắn một người đã từng chứng kiến đi chứng kiện lại một hiện tượng như thế ắt không chấp nhận được bằng phân tích *hay ho* của nhà vật lý người Anh” ^[5].

Từ năm 1.850 des Mousseaux và de Mirville vốn là các tín đồ Công giáo La Mã không thỏa hiệp đã xuất bản nhiều quyển sách với tựa đề được tru hoạch khéo léo để thu hút sự chú ý của công chúng. Chúng bộc lộ các tác giả tỏ ra báo động rất nghiêm túc, hơn nữa không mất công giấu giếm điều đó. Nếu ta có thể coi các hiện tượng phép lạ là giả mạo thì Giáo hội La mã ắt chẳng bao giờ từ bỏ việc đàn áp chúng.

Cả hai bên đều đồng ý về các sự kiện, nếu bỏ qua những kẻ nghi ngờ thì thiên hạ chỉ có thể chia làm hai phe: những người tin vào tác nhân trực tiếp của ma quỷ và những người tin vào các vong linh thoát xác và các vong linh khác. Chỉ nội sự kiện thần học e sợ nhiều điều tiết lộ hơn nữa có thể xuất phát qua tác nhân huyền bí này hơn là mọi sự “xung đột” đầy đe dọa với Khoa học và những lời chối bỏ quả quyết của Khoa học, cũng đủ làm cho những kẻ đa nghi nhất phải sáng mắt ra. Giáo hội La Mã chưa bao giờ cả tin hoặc hèn nhát, điều này được chứng tỏ rành rành qua chủ nghĩa Machiavell vốn đặc trưng cho chính sách của giáo hội. Hơn nữa, nó chưa bao giờ bận tâm nhiều về những nhà ảo thuật khéo léo mà nó *biết* thừa chỉ là các bậc cao đồ về thuật sơn đông mã vĩ. Robert Houdin, Comte, Hamilton và Bosco, ngủ yên trên giường của mình trong khi Giáo hội hành hạ những người như Paracelsus, Cagliostro, Mesmer, các triết gia Hermes và các thần bí gia; giáo hội đã chặn đứng hữu hiệu được mọi pha trình diễn chân thực có bản chất huyền bí bằng cách giết chết những người đồng cốt.

Những người không thể tin được có một loại ma quỷ nhân hình và cũng không tin các giáo điều của nhà thờ, song le cũng phải chấp nhận giới giáo sĩ đã đủ khôn ngoan để ngăn ngừa việc phương hại cho danh tiếng không thể sai lầm của mình bằng cách tạo ra biết bao nhiêu pha trình diễn mà nếu quả thật giả mạo thì một ngày kia tất yếu sẽ bị lật tẩy.

Nhưng bằng chứng tốt nhất về sự thật của lực này lại được chính Robert Houdin cung cấp, ông là vua của những kẻ sơn đông mã vĩ; khi được Hàn lâm viện mời ra để làm chứng (với tư cách là một chuyên gia) cho những khả năng *thần nhãn* kỳ diệu và

[1] Như trên, trang 216.

[2] “Những cái Bàn”, I, trang 48.

[3] Như trên, trang 24.

[4] Như trên, trang 35.

[5] De Mirville: “Các Vong linh”, trang 26.

đôi khi là những lỗi lầm của một cái bàn thì ông có nói: “Những kẻ sơn đông mãi võ chúng tôi chưa bao giờ phạm lỗi lầm và thuật thấu thị của tôi cũng chưa bao giờ sai lầm”.

Nhà thiên văn bác học Babinet cũng chẳng may mắn gì hơn khi chọn lựa Comte (một nhà truyền âm nhập mật nổi tiếng) làm chuyên gia để chứng nhận chống lại các hiện tượng phép lạ có tiếng nói và tiếng gõ nhẹ trực tiếp. Nếu ta có thể tin vào các nhân chứng thì Comte cười thẳng vào mặt Babinet với lời gợi ý huỵch toẹt rằng những tiếng gõ nhẹ là do “*thuật truyền âm nhập mật vô ý thức*” tạo ra. Cái thuyết truyền âm nhập mật vô ý thức xứng đáng là chị em sinh đôi với thuyết “*tác động trí não vô ý thức*”, nó khiến cho nhiều hàn lâm viện sĩ đa nghi nhất cũng phải thẹn đỏ mặt. Nó rành rành là quá phi lý.

De Gasparin có nói: “Vấn đề siêu tự nhiên, chẳng hạn như xuất hiện vào thời trung cổ cũng như thời nay không được xếp vào trong những vấn đề mà chúng ta được phép coi thường; tầm lớn rộng của nó khiến cho chẳng ai mà không chú ý . . . Trong đó mọi điều đều nghiêm túc sâu sắc, cả điều ác lẫn phương thuốc chữa trị, sự tái phát mê tín dị đoan lẫn sự kiện vật lý vốn dự định chinh phục được mê tín dị đoan”^[1].

Hơn nữa, ông còn phát biểu ý kiến dứt khoát sau đây mà ông đạt được do bị chinh phục qua đủ thứ pha trình diễn khi ông tự nhủ rằng: “Gần đây số sự kiện xuất hiện đường đường chính chính trong ánh sáng thanh thiên bạch nhật của sự thật đã gia tăng nhiều đến nỗi từ nay trở đi một trong hai hậu quả sau đây là không thể tránh được: hoặc là phạm vi khoa học thiên nhiên phải bằng lòng mở rộng ra, hoặc là phạm vi điều siêu nhiên sẽ trở nên lớn rộng đến nỗi nó không còn biên cương nữa”^[2].

Trong số nhiều quyển sách chống lại thần linh học xuất phát từ nguồn gốc Công giáo và Tin lành, không có tác phẩm nào tạo ra tác dụng kinh hoàng tác phẩm của de Mirville và de Mousseaux: “*Pháp thuật thế kỷ thứ 19; Phong tục và Phép thực hành của Ma quỷ; các Hiện tượng nổi bật của Pháp thuật, những kẻ Trung gian trong Pháp thuật, các Vong linh và Pha trình diễn của chúng v.v. . .* Chúng bao gồm phần tiểu sử bách khoa từ điển đầy đủ nhất về ma quỷ và lũ yêu tinh con xuất hiện khiến cho các Ki Tô hữu tốt bụng trong thâm tâm lấy làm khoái trá kể từ thời trung cổ.

Theo các tác giả này, *kẻ nào là “kẻ nói dối và giết người ngay từ đầu”* thì kẻ đó cũng là động cơ thúc đẩy chính các hiện tượng thần linh. Trong hàng ngàn năm, y đã cầm đầu phái Thông thần ngoại đạo và chính y được khích lệ do sự gia tăng của các dị giáo, thành phần vô đạo và vô thần đã xuất hiện trở lại trong thế kỷ này. Hàn lâm viện Pháp cao giọng trong tiếng la ó nói chung căm phẫn và ngay cả ông de Gasparin cũng coi đó là một sự sỉ nhục cá nhân. Trong quyển sách đồ sộ biện bác của mình ông viết như sau: “Đây là một lời tuyên chiến, một ‘cái đe che chắn’. Tác phẩm của ông de Mirville là một *bản tuyên ngôn* thật sự. . . Tôi rất vui lòng khi thấy nó biểu diễn một ý kiến thuần túy cá nhân, nhưng thật ra nó *không thể như thế được*. Sự thành công của tác phẩm ấy, những sự tán đồng long trọng, việc báo chí và các tác giả thuộc phe phái khác cũng sao chép trung thực lại các luận đề của nó, tính liên đới được xác lập xuyên suốt giữa họ và toàn thể hội đoàn Công giáo. . . Mọi thứ đó đều cho thấy tác phẩm này *cốt yếu là một chứng thư và có giá trị của một công trình lao động tập thể*. Có thể nói là tôi cảm thấy mình có bốn phận phải thực thi. . . Tôi thấy mình bắt buộc phải nhận lời thách thức . . . và giương cao ngọn cờ Tin lành chống lại ngọn cờ Công giáo tôn sùng Đức Giáo hoàng”^[3].

Ta có thể trông mong rằng các Đại học Y khoa cũng vai trò dàn đồng ca Hi Lạp vang vọng lại đủ thứ lời trách móc đối với các tác giả ma quỷ học. *Kỷ yếu Y khoa Tâm lý học* do các bác sĩ Brierre de Boismont và Cerise biên tập, có công bố kết luận sau đây: “Ngoại trừ những cuộc tranh cãi của các phe phái đối lập thì chưa bao giờ ở xứ sở

[1] “Lời dẫn nhập”, trang 12 và 16.

[2] Quyển I, trang 244.

[3] Quyển ii, trang 524.

chúng ta lại có một tác giả dám thản nhiên đầy hung hăng giáp mặt với những sự châm biếm, sự khinh bỉ của điều mà ta gọi là óc phân biện phải trái thông thường; và dường như thể đồng thời thách đố và thách thức những tròng cười ầm ầm cũng như nhún vai khinh thường, tác giả có một thái độ và xuất hiện trớ tráo trước các thành viên của Hàn lâm viện . . . Ngó lơ với họ qua lời mà ông khiêm nhượng gọi là *Luận trình về Ma qui* ^[1]

Chắc chắn đây là một điều sỉ nhục gay gắt cho Hàn lâm viện sĩ; nhưng ngay từ năm 1850 số phận của họ dường như phải chịu sút mẻ lòng kiêu hãnh nhiều hơn mức hầu hết các vị đó có thể chịu được. Ý tưởng này yêu cầu 40 "Hàn lâm viện sĩ" phải chú ý tới những trò tinh nghịch của Ma qui! Họ thể sẽ trà thù và liên kết lại với nhau và đề ra một thuyết thậm chí còn phi lý hơn nữa, thuyết sùng bái ma qui của de Mirville! Bác sĩ Royer và Jobart de Lamballe – liên minh với nhau, tiến cử trước Bác học viện một người Đức tự cho là tài khéo léo của mình, cung cấp được bí quyết cho mọi pha gỡ mạnh và gỡ nhẹ ở cả hai bán cầu trên trái đất. Hầu tước de Mirville nhận xét rằng: "Chúng tôi thật xấu hổ khi nói rằng trọn cả cái mảnh khốe ấy chỉ cốt ở việc lặp đi lặp lại sự dịch chuyển một trong những cái gân của cơ bắp ở cẳng chân. Thật là một sự biểu diễn vĩ đại của hệ thống này trong phiên họp toàn thể của Bác học viện và ngay tức khắc . . . Hàn lâm viện biểu lộ lòng biết ơn đối với thông báo *thứ vị* này và chỉ một vài ngày sau thì một giáo sư ở khoa y đã đưa ra lời đoan chắc với công chúng rằng các nhà khoa học đã phát biểu ý kiến của mình và điều bí mật cuối cùng đã được sáng tỏ!" ^[2].

Thế nhưng những lời giải thích đó của *khoa học* không ngăn cản được hiện tượng ấy lặng lẽ trôi theo lộ trình của mình và hai vị tác giả về ma qui học cũng không tiến hành để xiển dương các thuyết hoàn toàn chính thống của mình.

Khi chối bỏ rằng Giáo hội chẳng dính dáng gì tới những quyển sách của mình, kèm theo phần *Luận trình*, de Mousseaux có long trọng trình bày với Hàn lâm viện những tư tưởng triết học sâu sắc và thú vị sau đây của qui Sa tăng:

"*Ma qui là cột trụ chính của Đức tin*. Y là một trong những nhân vật vĩ đại có sinh hoạt gắn liền mật thiết với sinh mệnh của giáo hội; nếu lời lẽ của Ma qui không xuất phát ra một cách thẳng lợi qua miệng của *trung gian* của nó là con Rắn thì con người đâu có thể bị sa đọa. Như vậy nếu không có nó thì Đấng Cứu thế, Đấng bị đóng đinh trên Thập tự giá, Đấng Cứu chuộc tội ắt chẳng qua chỉ là kẻ thừa tải lỗi bịch nhất, còn Thập tự giá chỉ là sự sỉ nhục cho lương tri!" ^[3].

Nên nhớ rằng tác giả này chỉ là một tiếng vang vọng trung thành của giáo hội, giáo hội nguyên rủa cả kẻ chối bỏ Thượng Đế lẫn kẻ nghi ngờ sự tồn tại nơi ngoại giới của qui Sa tăng.

Nhưng Hầu tước de Mirville còn triển khai thêm nữa ý tưởng Thượng Đế là bạn đồng hành của Ma qui. Theo ông thì đó là một thương vụ chính qui, trong đó "đối tác lặng lẽ" lão thành phải chịu doanh vụ hoạt động của doanh nghiệp đó được thương lượng sao cho nó có thể làm vừa lòng được đối tác trẻ trung của mình mà kẻ lão thành lợi dụng được lòng táo bạo và sự khéo léo của tuổi trẻ. Khi đọc những dòng sau đây, liệu có ai dám có ý kiến khác hay chẳng?

"Vào lúc có sự xâm lăng lãnh địa tâm linh năm 1853 mà ta coi thường xiết bao thì ta còn dám tuyên ngôn về một 'thảm họa đang đe dọa'. Thế mà thế giới vẫn hòa bình, nhưng lịch sử cho ta thấy trong mọi giai đoạn tai biến đều có những triệu chứng như thế, chúng ta có linh tính về những hiệu quả đáng buồn của một định luật mà Goërres đã bày tỏ như sau: [quyển v, trang 356] 'Những sự xuất hiện bí nhiệm này bao giờ cũng biểu thị bàn tay uốn nắn của Thượng Đế trên trần thế' " ^[4].

[1] "Kỷ yếu Y học Tâm lý" 1 tháng giêng năm 1854.

[2] De Mirville: "Các Vong linh", "Cấu tạo hiển chế", 16 tháng 6 năm 1854.

[3] Chevallier de Mousseaux: "Phong tục và Phép thực hành của Ma qui", trang x

[4] De Mirville: "Các Vong linh", trang 4.

Những kiểu chạm súng theo kiểu du kích chiến giữa những kẻ ủng hộ giới giáo sĩ và Hàn lâm viện Khoa học duy vật đã chứng tỏ rõ ràng Hàn lâm viện đã chẳng làm được bao nhiêu để nhổ bật gốc rễ cuồng tín mù quáng ra khỏi tâm trí của ngay cả những người rất có giáo dục. *Hiển nhiên là khoa học chưa hoàn toàn chinh phục hoặc bịt miệng được thần học.* Khoa học chỉ làm chủ được thần học một khi nó chịu hạ cố để thấy trong các hiện tượng tâm linh có một điều gì đó không phải chỉ là ảo giác và thuật lang băm. Nhưng làm sao nó có thể được như vậy nếu nó không chịu khảo cứu rốt ráo về các hiện tượng ấy? Ta hãy giả sử rằng trước thời người ta công khai thừa nhận về điện từ thì người khám phá ra nó là Giáo sư Oersted ở Copenhagen đã mắc một chứng bệnh mà ta gọi là *sợ tâm linh* (psychophobia) hoặc *sợ tinh thần* (pneumatophobia). Ông lưu ý thấy rằng sợi dây mà một dòng điện băng ngang qua đó có khuynh hướng làm cho kim nam châm lệch ra khỏi vị trí tự nhiên để vuông góc với phương của dòng điện. Hơn nữa, giả sử rằng vị giáo sư ấy đã nghe nói nhiều về một vài kẻ mê tín dị đoan vốn dùng một cái loại kim đã được từ hóa đó để đàm đạo với các sinh linh thông tuệ vô hình. Nghe nói họ nhận được các tín hiệu, thậm chí trực tiếp đàm đạo với các sinh linh ấy nhờ vào sự gõ nhẹ của một cái kim như thế; do đó ông đột nhiên cảm thấy có một sự sợ hãi và ghê tởm của óc khoa học đối với một niềm tin dốt nát như vậy; và ông đã thẳng thừng từ chối không dính dáng gì tới cái kim ấy. Kết quả sẽ ra sao đây? Mãi cho tới nay, có thể là người ta chưa phát hiện được về điện từ, do đó các nhà duy thực nghiệm của chúng ta chủ yếu là sẽ bị thiệt thòi.

Babinet, Royer và Jobert de Lamballe, cả ba đều là thành viên của Bác học viện, đặc biệt xuất sắc trong cuộc đấu tranh giữa óc đa nghi và thuyết siêu tự nhiên, và chắc chắn là họ không gặt hái được sự thành công nào. Nhà thiên văn học nổi tiếng đã bắt cần liệu mình trên chiến trường hiện tượng lạ. Ông đã dùng khoa học để *giả thích* về các pha trình diễn. Nhưng lấy hết can đảm với niềm tin ưu ái trong các nhà khoa học theo đó các bệnh dịch mới này không thể chịu nổi sự khảo cứu tận tường để sống sót được quá một năm, cho nên ông còn bất cẩn hơn nữa khi công bố hai bài báo viết về chúng. Ông de Mirville đã nhận xét rất sắc sảo rằng nếu hai bài báo chỉ thành công một cách tồi tệ trên báo chí khoa học thì mặt khác chúng lại chẳng thành công gì hết trong báo chí hằng ngày.

Ông Babinet bắt đầu bằng cách chấp nhận *tiên nghiệm* sự quay tròn và chuyển động đồ đạc là một sự kiện mà ông tuyên bố "*không còn nghi ngờ gì nữa*". Ông bảo rằng: "Sự quay tròn này có thể được biểu lộ với một năng lượng đáng kể, hoặc là do có vận tốc rất lớn, hoặc là do có một sự đối kháng mạnh mẽ khi người ta muốn nó dừng lại" [1].

Rồi bây giờ tới lời giải thích của nhà khoa học lỗi lạc: "Nếu ta đẩy nhẹ nhàng bằng những xung động ít phối hợp với nhau của các bàn tay đặt trên nó, thì cái bàn bắt đầu dao động từ bên phải sang bên trái . . . Vào lúc mà sau khi bị ít nhiều trì hoãn, có một sự rung lắc thần kinh được xác lập nơi những bàn tay và các xung động nhỏ bé cá nhân của mọi nhà thực nghiệm đã trở nên hài hòa với nhau thì cái bàn khởi sự chuyển động" [2].

Ông thấy nó rất đơn giản vì "mọi sự vận động của các cơ bắp đều tác động lên các vật thể theo kiểu các đòn bẩy loại 3 trong đó điểm tựa rất gần với điểm tác dụng lực. Do đó điều này truyền một vận tốc lớn cho những bộ phận cơ động trong một khoảng cách rất nhỏ mà lực tác động phải thực hiện trên đó . . . Một số người sửng sờ khi thấy một cái bàn chịu tác động của nhiều người được bố trí ăn khớp theo kiểu phối hợp để *chinh phục những vật cản đầy sức mạnh*, cái bàn đó thậm chí bị gãy cả chân khi nó bị chặn lại đột ngột; nhưng điều đó rất *đơn giản* nếu ta xét tới khả năng của *các tác động*

[1] Như trên, "Tạp chí Hai Thế giới", số ngày 15 tháng giêng, năm 1854, trang 108.

[2] Đây là sự lặp lại và biến thiên của thuyết Faraday.

ít phối hợp với nhau. . . Một lần nữa lời giải thích của vật lý học không gặp phải khó khăn nào” [1].

Trong lời biện luận này, ta thấy rõ có hai kết quả: nó chứng tỏ được hiện tượng là có thật, còn lời giải thích theo khoa học thật là lỗ bịch. Nhưng ông Babinet thừa sức chịu đựng việc bị chế nhạo chút ít, với vai trò là một nhà thiên văn học ông biết rằng ngay cả trên mặt trời người ta cũng thấy có các vết đen.

Mặc dù vậy có một điều mà ông Babinet bao giờ cũng cương quyết chối bỏ, đó là sự khinh thân của các đồ đạc mà không có ai đụng tới. De Mirville bất chợt thấy ông tuyên bố rằng không thể có được sự khinh thân như thế, ông bảo rằng: “đơn giản là không thể có được cũng giống như không thể có được chuyển động vĩnh cửu” [2].

Sau khi có lời tuyên cáo như thế ai dám chủ trương rằng cái từ *không thể được* mà khoa học tuyên bố lại không thể sai lầm?

Nhưng những cái bàn sau khi nhảy luân vũ, dao động và xoay tròn lại bắt đầu vỗ nhẹ và vỗ mạnh. Những tiếng vỗ đôi khi lớn như tiếng súng lục nổ. Đó là cái gì vậy? Ta hãy lắng nghe đây: “Các nhân chứng và các nhà khảo cứu đều là *những người biết truyền âm nhập mật*”.

De Mirville giới thiệu cho ta tham chiếu *Tạp chí Hai Thế giới*, trong đó có công bố một cuộc đối thoại rất thú vị do ông Babinet sáng chế ra khi chính mình nói chuyện với mình, giống như En Soph của người Chaldea đối với các môn đồ kinh Kabala: “Rốt cuộc ta có thể nói gì về mọi sự kiện mà ta quan sát được? Liệu những tiếng vỗ như thế có xảy ra chẳng? Có chứ. Liệu những tiếng vỗ như thế có trả lời được các câu hỏi không? Có chứ. Ai tạo ra những âm thanh như thế? Những người đồng cốt. Bằng cách nào? *Bằng phương pháp thông thường của các kẻ truyền âm nhập mật*. Nhưng chúng ta lại có khuynh hướng giả sử rằng các âm thanh này có thể là kết quả của *tiếng bẻ răng rắc ngón tay và ngón chân*? Không đâu; vì như thế chúng phải luôn luôn xuất phát từ cùng một điểm và sự thật không phải như vậy” [3].

Ông De Mirville thắc mắc: “Thế mà liệu ta có phải tin vào những người Mỹ với hàng ngàn người đồng cốt tạo ra những tiếng vỗ như thế trước mặt hàng triệu nhân chứng hay chẳng? Babinet trả lời: “Chắc chắn đó là *thuật truyền âm nhập mật*. Nhưng làm sao ông có thể giải thích được một điều bất khả hữu như thế?” Để ợt à, hãy nghe đây: “Mọi thứ cần thiết để tạo ra pha trình diễn đầu tiên trong *căn nhà đầu tiên* ở nước Mỹ, đó là việc một đứa trẻ lêu lổng trên đường phố gõ vào cửa một công dân bị phỉnh gạt, có lẽ bằng một quả banh nặng như chì gắn vào một sợi dây, và nếu ông Weekman (người đầu tiên tin tưởng như vậy ở nước Mỹ?) [4], khi quan sát lần thứ ba mà không nghe thấy tiếng hò reo cười phá lên trên đường phố thì đó chỉ là vì có sự khác nhau cốt yếu giữa một đứa trẻ lêu lổng người Pháp và một đứa trẻ lêu lổng người Anh hoặc thuộc giống những Xuyên Đại tây dương, người Anh được trời phú cho cái mà ta gọi là *việc cười ra nước mắt*” [5].

Trong phần trả lời nổi tiếng đối với những lời đả kích của de Gasparin, Babinet và các nhà khoa học khác, De Mirville quả thật có nói rằng: “Và như thế theo nhà vật lý vĩ đại của chúng ta, *những cái bàn xoay* rất nhanh, rất mạnh bạo cũng như đối kháng nữa, và theo sự chứng tỏ của ông De Gasparin chúng *khinh thân mà không ai đụng tới*. Một Giáo sĩ có nói: “Với ba từ ngữ bằng chữ viết tay của con người, tôi đảm nhiệm việc làm cho ông ta chơi với”. Đến lượt chúng tôi dựa vào ba dòng chữ nêu trên, chúng tôi cũng đảm nhiệm việc khiến cho các nhà vật lý trên toàn cầu phải hết sức bối rối hoặc đúng hơn là cách mạng hóa thế giới – nếu ít ra ông Babinet không thận trọng như ông De

[1] “Tạp chí Hai Thế giới”, trang 410.

[2] “Tạp chí Hai Thế giới”, tháng giêng, năm 1854, trang 414.

[3] “Tạp chí Hai thế giới”, ngày 1, tháng 5, năm 1854, trang 531.

[4] Chúng tôi dịch *nguyên văn*. Chúng tôi nghi ngờ chẳng biết ông Weekman có phải là người khảo cứu đầu tiên hay chẳng.

[5] Babinet: “Tạp chí Hai Thế giới”, ngày 1 tháng 5, năm 1854, trang 511.

Gasparin để gợi ý có một định luật hoặc một lực nào đó còn chưa được biết tới. Đó là vì điều này sẽ bao quát được trọn cả địa hạt” [1].

Nhưng chúng ta thấy các chú thích bao hàm “những sự kiện và lý thuyết vật lý” mới là đỉnh cao của sự trước sau như một trong lập luận của ông Babinet với vai trò một chuyên viên khảo cứu về địa hạt Thần linh học.

Trong bài tường thuật về những điều kỳ diệu được biểu hiện ở *Giáo xứ Cideville* [2] dường như ông de Mirville bị xúc động mạnh do sự mâu thuẫn của một vài sự kiện. Mặc dù được bồi thẩm đoàn và các thẩm phán xác chứng, song chúng có bản chất mâu thuẫn đến nỗi bắt buộc chính tác giả về Ma quỷ học cũng phải né tránh trách nhiệm công bố chúng.

Những sự kiện này là như sau: “Vào đúng lúc mà một *thầy phù thủy* tiên đoán” – trường hợp trả thù – “người ta nghe thấy một tiếng sấm dữ dội ngay trên một trong những ống khói của trụ sở giáo xứ, sau đó một *lưu chất* giáng xuống qua lỗ thông hơi đó với một tiếng động khủng khiếp, làm ngã đổ nhào những người tin tưởng cũng như những kẻ đa nghi (về quyền năng của thầy phù thủy), họ ấm người lên do ngọn lửa; sau khi đã lấp đầy căn phòng với vô số những *con thú hoang đường* thì lưu chất ấy lại quay về cái ống khói, leo lên trở lại, biến mất sau khi tạo ra cũng một tiếng động khủng khiếp như trên. De Mirville nói thêm: “Vì chúng ta đã có quá nhiều sự kiện, cho nên chúng ta phải lùi bước trước điều quái dị mới mẻ này thêm vào cho biết bao nhiêu điều khác [3].

Nhưng Babinet – cùng với các bạn đồng liêu bác học, ông đã giễu cợt hai tác giả viết về Ma quỷ học; hơn nữa ông còn quyết tâm chứng tỏ sự phi lý của mọi câu chuyện giống như thế - thấy mình bắt buộc không phải không tin sự kiện nêu trên trong hiện tượng lạ ở Cideville bằng cách trình bày một sự kiện còn khó tin hơn nữa. Chúng tôi xin nhường lời cho chính ông Babinet.

Ta có thể thấy hoàn cảnh sau đây mà ông trình bày trước Hàn lâm viện Khoa học ngày mùng 5 tháng 7 năm 1852 mà *không bình luận thêm nữa*, chỉ coi đó là một ví dụ về *sét hòn* trong các “Tác phẩm F. Arago”, quyển I, trang 52. Chúng tôi xin trình bày *nguyên văn*:

“Ông Babinet nói: “Sau khi có một tiếng sấm vang trời nhưng không phải là ngay tức khắc sau đó, một người thợ may đang học việc sống ở đường phố Saint Jacques vừa mới dùng cơm tối xong thì thấy cái tấm lưới mắt cáo bằng giấy che lò sưởi rút xuống như thể nó bị đẩy ra khỏi vị trí do một cơn gió không mạnh lắm. Ngay sau khi đó, ông ta nhận thấy có một quả cầu lửa lớn bằng đầu của một đũa con nít xuất hiện *lặng lẽ* và *êm ái* từ bên trong tấm lưới ấy và từ từ di chuyển xung quanh căn phòng, không chạm tới gạch lót nền nhà. Quả cầu lửa có dáng vẻ của một *con mèo con*, kích thước trung bình . . . di chuyển mà không dùng tới móng vuốt. Quả cầu lửa chói lọi và chiếu sáng nhiều hơn là nóng hoặc bốc ra lửa, và người thợ may không có cảm giác ấm áp. Quả cầu áp sát lại gần chân y giống như một con mèo con muốn chơi đùa và cạ vào chân y theo thói quen của loài thú này; nhưng người thợ học việc rút chân lại và rón rén di chuyển rất thận trọng tránh tiếp xúc với *vấn thạch* ấy. Trong một vài giây, quả cầu lửa vẫn bám theo chân y, người thợ may xem xét nó một cách tò mò bằng cách cúi người xuống. Sau khi thử du hành theo nhiều hướng đối nghịch nhưng không rời khỏi phần trung tâm của căn phòng, quả cầu lửa bốc cao lên theo chiều thẳng đứng lên ngang mức đầu của người, người thợ may phải ưỡn người ra trên cái ghế dựa để tránh cho mặt mình khỏi tiếp xúc với quả cầu lửa. Khi bốc lên tới mức cách sàn nhà khoảng một thước Anh thì quả cầu lửa hơi kéo dài ra, đi theo chiều xiên về một cái lỗ trên tường ngay phía trên lò sưởi, có độ cao khoảng một *mét* phía trên khung mặt lò sưởi”. Người ta làm cái lỗ này với mục đích để nhận một cái ống thoát của lò sưởi vào mùa đông, nhưng theo

[1] De Mirville: “Các Vong linh”, trang 33.

[2] De Mirville: “Các Vong linh”, trang 33.

[3] Chú thích của tác phẩm “Các Vong linh”, trang 38.

lời diễn tả của người thợ may thì “*sấm sét không thể nhìn thấy nó* vì nó được dán giấy lên trên giống như phần còn lại của bức tường. Quả cầu lửa đi thẳng vào cái lỗ đó, *làm tróc lớp keo dán giấy mà không gây thiệt hại cho lớp giấy*, rồi lại bốc lên trên ống khói . . . khi nó lên tới đỉnh rất chậm chạp . . . ít nhất là 60 bộ Anh phía trên mặt đất . . . thì nó gây ra một tiếng nổ khủng khiếp nhất phá hủy một phần ống khói . . .” v.v.

Trong phần điểm sách, ông De Mirville có nhận xét rằng “*Dường như ta có thể áp dụng cho ông Babinet nhận xét sau đây của một phụ nữ rất trí xảo đối với Raynal: ‘Nếu bạn không phải là một Ki Tô hữu thì đó chỉ là vì bạn thiếu đức tin’*” [1].

Đâu phải chỉ có những tin đồn mới lấy làm lạ về sự căm giận của ông Babinet khi khẳng khái gọi pha trình diễn đó là một *vấn thạch*; đó là vì Tiến sĩ Boudin đã đề cập tới nó một cách rất nghiêm túc trong một tác phẩm về sét mà ông vừa mới xuất bản. Vị Tiến sĩ nói: “*Nếu những chi tiết này là chính xác – dường như là vậy, vì các ông Babinet và Arago đều công nhận chúng – thì dường như rất khó lòng mà giữ lại cái tên sét hòn dành cho hiện tượng lạ này. Tuy nhiên chúng tôi xin dành cho người khác giải thích được nó nếu họ có thể, đâu là bản chất của một quả cầu lửa không phát ra cảm giác nhiệt và có dáng vẻ của một con mèo ung dung đi dạo trong căn phòng, biết tìm ra lối thoát bằng cách lại leo lên ống khói qua một khe hở ở trên tường được dán giấy mà nó làm tróc lớp keo nhưng không làm thiệt hại lớp giấy*” [2].

Vị Hầu tước nói thêm: “*Chúng tôi đồng ý với nhà bác học Tiến sĩ về việc khó mà định nghĩa được chính xác và chúng tôi chẳng hiểu tại sao trong tương lai lại không thể có loại sét với hình dạng một con chó, một con khỉ v.v. . . . Người ta ắt phải nhún vai trước cái ý tưởng trần trụi về cả một bầy thú khí tượng nhờ vào tiếng sấm, có thể giáng xuống căn phòng của chúng ta để thoải mái dạo chơi*”.

Trong tác phẩm biên bác quái đản của mình, de Gasparin có nói: “*Về vấn đề chúng có thì chắc chắn phải hoàn toàn ngưng bật khi ta băng qua biên giới của điều siêu tự nhiên*” [3].

Nếu đường phân ranh giới không đủ cố định hoặc xác định thì đối thủ nào sẽ thích hợp nhất để đảm đương nhiệm vụ khó khăn? Ai trong hai đối thủ sẽ có quyền nhiều hơn để trở thành vị trọng tài của công chúng? Phải chăng là phe mê tín dị đoan, vốn được ủng hộ với bằng chứng của nhiều ngàn người? Đó là vì trong gần hai năm trời họ bu nghệt cái xứ sở hằng ngày có biểu lộ các phép lạ vô tiền khoáng hậu ở Cideville mà giờ đây gần như đã bị quên lãng trong số vô vàn hiện tượng tâm linh khác; liệu ta sẽ phải tin họ hay ta phải cúi đầu trước khoa học do ông Babinet đại diện; dựa vào chứng cứ của chỉ một người (người thợ may), ông đã chấp nhận pha trình diễn của quả cầu lửa tức *con mèo vẫn thạch* và từ đó trở đi ông đòi hỏi nó phải có chỗ đứng trong những sự kiện đã được xác lập về các hiện tượng *thiên nhiên*?

Trong bài báo đầu tiên đăng trên *Tạp chí Khoa học Tam cá nguyệt*, số ra mừng một tháng 10 năm 1871, ông Crookes có đề cập tới de Gasparin và tác phẩm của ông là *Khoa học chống lại Thần linh học*. Ông nhận xét rằng: “*Cuối cùng tác giả đi đến kết luận rằng ta có thể giải thích mọi hiện tượng lạ này dựa vào tác động của những nguyên nhân tự nhiên chứ không cần phải giả định là có phép lạ cũng như có sự can thiệp của các vong linh và ảnh hưởng của ma quỷ! Gasparin coi những thí nghiệm của ông đã xác lập hoàn toàn được một sự kiện theo đó trong một vài trạng thái của cơ thể, ý chí có thể tác động từ xa lên trên vật chất trơ và hầu hết tác phẩm của ông đều dồn vào việc nhận biết những định luật và điều kiện để cho tác động này biểu lộ được*” [4].

Đúng vậy; nhưng bởi vì tác phẩm của Gasparin có trích dẫn vô số những tác phẩm *Giải đáp, Bệnh vực và Luận trình* khác cho nên chính tác phẩm của ông đã chứng tỏ

[1] De Mirville: “*Các Sự kiện và các Thuyết Vật lý*”, trang 46.

[2] Xem Chuyên Khảo: “*Bản về Sấm chớp theo quan điểm của lịch sử Pháp y và Vệ sinh Công cộng*”, của ông Boudin, Phó thuật viên Trưởng của Bệnh viện Quân y Boule.

[3] De Gasparin, quyển I, trang 288.

[4] Crookes: “*Lực Vật lý*”, trang 26.

rằng ông là một tín đồ Tin lành cho nên xét về mặt cường tín tôn giáo ông cũng chẳng đáng tin cậy gì hơn de Mousseaux và de Mirville. De Gasparin là một tín đồ Tin lành Calvin rất mộ đạo, còn de Mousseaux và de Mirville là tín đồ Công giáo La Mã cường tín. Hơn nữa chính lời lẽ của de Gasparin cũng bộc lộ óc bè phái: "Tôi cảm thấy mình có bốn phận phải thực thi . . . Tôi giương cao ngọn cờ Tin lành chống lại ngọn cờ Công giáo sùng bái Giáo hoàng!"^[1] v.v. . . Trong những vấn đề về bản chất của cái gọi là các hiện tượng tâm linh thì ta không thể tin cậy vào bằng chứng nào, ngoại trừ sự chứng nhận bất vụ lợi của các nhân chứng lạnh lùng *không thành kiến* cũng như khoa học. Sự thật chỉ có một thôi, nhưng các Giáo phái thì hằng hà sa số, mỗi giáo phái đều rêu rao là mình tìm ra sự thật không bị xuyên tạc; cũng như "Ma quỷ là cột trụ chính của Giáo hội Công giáo", cũng vậy, theo ý kiến của de Gasparin thì mọi thuyết siêu tự nhiên và phép lạ đều chấm dứt ở địa vị "thánh tông đồ".

Nhưng ông Crookes có đề cập tới một học giả lỗi lạc khác là Thury ở Geneva, giáo sư vạn vật học, ông là một nhà khảo cứu huynh đệ đối với de Gasparin trong hiện tượng lạ ở Valleyres. Vị giáo sư này thẳng thừng bác bỏ lời khẳng định của vị đồng liêu. Gasparin có nói: "Điều kiện đầu tiên và cần thiết nhất là *ý chí* của người làm thực nghiệm; nếu không có ý chí, người ta chẳng được cái gì hết; bạn có thể tạo ra chuỗi dây xích (vòng tròn) trong 24 tiếng đồng hồ liên tiếp mà tuyệt nhiên chẳng đạt được một chuyển động nào"^[2].

Điều nêu trên chỉ chứng tỏ rằng de Gasparin không phân biệt hiện tượng thuần túy từ điển – được tạo ra do ý chí kiên trì của những người lên đồng trong số đó thậm chí có thể không có một người đồng cốt nào đã phát triển hay chưa phát triển – với cái gọi là các hiện tượng tâm linh. Trong khi hiện tượng từ điển có thể được tạo ra *một cách hữu thức* bởi hầu hết mọi người có ý chí kiên cường và xác định thì hiện tượng tâm linh lại rất thường không chế người đồng cốt ngược lại với sự đồng ý của chính y và luôn luôn hành động độc lập với y. *Nhà thôi miên theo thuật Mesmer muốn một chuyện và nếu y có đủ quyền năng thì điều đó sẽ được thực hiện. Người đồng cốt cho dù có chủ đích thẳng thắn muốn thành công thì cũng có thể không tạo ra một pha trình diễn nào hết; y càng ít vận dụng ý chí của mình thì hiện tượng lạ càng hay hơn; y càng cảm thấy lo lắng thì y càng ít có khuynh hướng thành tựu được bất cứ điều gì; thuật thôi miên Mesmer cần có một bản chất tích cực, còn thuật đồng cốt đòi hỏi cần có một bản chất hoàn toàn thụ động tiêu cực.* Đây là phần Võ lũng của Thần linh học và không một người đồng cốt nào mà không biết tới.

Như ta vừa nói, ý kiến của Thury hoàn toàn bất đồng với quyền năng ý chí của Gasparin. Trong một bức thư ông phát biểu điều này với biết bao nhiêu lời lẽ rành mạch để đáp lại lời mời gọi của vị Hầu tước hiệu đính dùm bài báo cuối cùng trong phần *luận trình* của ông. Vì không có sẵn quyển sách của Thury cho nên chúng tôi dịch bức thư theo như chúng tôi tìm thấy trong phần *tóm tắt* tác phẩm *Phản biện* của de Mirville. Bài báo của Thury gây xúc động mạnh cho người bạn tôn giáo của mình có liên quan tới khả năng tồn tại và can thiệp "của *những chú ý* khác hơn ý chí của con người và con thú đối với những pha trình diễn đó".

"Thưa ngài, tôi cảm thấy ngài nhận xét rất đúng đối với những trang cuối cùng của *luận trình* này: chúng có thể khiến tôi có cảm tưởng rất khó chịu đối với các nhà khoa học nói chung. Tôi thật lấy làm tiếc vì quyết tâm của tôi dường như lại *ảnh hưởng tới ngài nhiều như thế*; tuy nhiên tôi kiên trì với quyết tâm ấy vì tôi nghĩ đó là một bốn phận, né tránh nó thì chẳng khác nào là một loại phản bội.

"*Ngược lại mọi điều mong đợi*, nếu có một sự thật nào đó trong Thần linh học, qua việc kiêng không nói tới khoa học theo như tôi quan niệm khi cho rằng *sự phi lý của niềm tin và sự can thiệp của các vong linh cho đến nay vẫn chưa được khoa học chứng minh* (vì đó là phần *tóm tắt* và luận đề trong những trang cuối cùng thuộc *luận trình*

[1] De Gasparin: "Khoa học đối lập với Vong linh", I, trang 313.

[2] Như trên, quyển I, trang 313.

của tôi); bằng cách kiêng không nói điều đó cho những người sau khi đọc tác phẩm của tôi mà cảm thấy có khuynh hướng muốn thực nghiệm với hiện tượng lạ, tôi có thể đánh lừa cảm dỗ những người ấy đi theo con đường mà nhiều lỗi rã vẫn còn rất *mập mờ*.

"*Vẫn không từ bỏ địa hạt khoa học mà tôi đánh giá cao, tôi xin theo đuổi nhiệm vụ cho tới cùng mà không một chút úp mở về lợi ích trong vinh dự của chính mình và tôi không muốn phải xấu hổ về nó – xin dùng lời lẽ của chính bạn là 'vì cái tai tiếng lớn đó' vẫn còn sờ sờ ra đây. Hơn nữa tôi xin nhắc lại rằng 'điều này cũng có tính chất khoa học giống như bất kỳ điều nào khác'.* Nếu giờ đây tôi muốn chấp nhận cái thuyết về sự can thiệp của các vong linh đã thoát xác thì tôi cũng không có quyền làm như vậy vì những sự kiện mà mọi người đều biết không đủ để chứng tỏ một giả thuyết như thế. Có thể nói lập trường mà tôi đã chọn theo thì cảm thấy mình đủ mạnh để chống lại mọi lập trường khác. Dù muốn hay không, do kinh nghiệm từng trải và sự sai lầm của bản thân, mọi nhà khoa học đều phải học cách tạm thời không phán đoán về những điều mà mình chưa khảo sát đúng mức. Người ta không thể quên bài học mà bạn đã dạy cho họ theo chiều hướng này.

"GENEVA, ngày 21 tháng 12 năm 1854".

Chúng ta hãy phân tích bức thư nêu trên và thử phát hiện xem tác giả nghĩ như thế nào hoặc đúng hơn là ông ta không nghĩ như thế nào về cái lực mới mẻ này. Ít ra thì có một điều chắc chắn: Giáo sư Thury (một nhà vật lý và vạn vật học lỗi lạc) công nhận và thậm chí chứng minh bằng khoa học được là có nhiều pha trình diễn đã xảy ra. Cũng giống như ông Crookes, ông không tin rằng chúng được tạo ra do sự can thiệp của các vong linh tức là những người đã thoát xác sau khi sống trên trần thế rồi chết đi; đó là vì trong bức thư ấy ông bảo rằng chẳng có điều gì chứng tỏ được thuyết ấy. Chắc chắn ông cũng chẳng tin vào ma quỷ theo Công giáo, vì de Mirville (vốn trích dẫn bức thư này coi là bằng chứng thuyết phục chống lại thuyết tự nhiên của de Gasparin) có lần khi đọc tới câu nêu trên, đã vội vã nhấn mạnh nó bằng một chú thích cuối trang như sau: Ở Valleyres – có lẽ vậy, nhưng bất cứ chỗ nào khác cũng có" ^[1] cho thấy chính ông cũng nôn nóng muốn truyền đạt cái ý tưởng mà vị giáo sư chỉ ngụ ý nói tới những pha trình diễn ở Valleyres, khi chối bỏ việc chúng do ma quỷ tạo ra.

Chúng tôi rất tiếc mà phải nói rằng có rất nhiều điều mâu thuẫn và phi lý mà ta bắt gặp nơi bản thân de Gasparin. Trong khi cay đắng chỉ trích những cao vọng của các nhà bác học theo phái Faraday, ông lại gán những chuyện mà ông tuyên bố là thuộc *pháp thuật* cho những nguyên nhân hoàn toàn tự nhiên. Ông bảo rằng: "Nếu chúng tôi chỉ phải bàn tới những hiện tượng như thế (những hiện tượng mà nhà vật lý vĩ đại đã chứng kiến và giải thích) thì chúng tôi cũng đành phải ngậm miệng thôi; nhưng chúng tôi đã vượt xa hơn thế và tôi xin thách mắc giờ đây họ có làm được chuyện gì hay ho đâu khi những dụng cụ đã chứng tỏ rằng một *áp lực vô ý thức* cũng đã giải thích được hết mọi chuyện? Nó giải thích được hết và cái bàn chống lại được áp lực và sự dẫn dắt. Nó giải thích được hết và một cái đồ vật không ai sờ tới vẫn đi theo hướng ngón tay chỉ; món đồ *khinh thân* mà không ai đụng tới và nó *lộn nhào chống ngược lên trời!*" ^[2].

Nhưng với mọi điều đó ông vẫn đảm đương *giải thích* mọi hiện tượng lạ.

"Thiên hạ sẽ ủng hộ các phép lạ mà bạn gọi là các pháp thuật! Đối với họ thì mọi định luật mới đều dường như là một điều huyền diệu. Bạn hãy bình tĩnh đi; tôi xin đảm đương nhiệm vụ trấn an những kẻ hốt hoảng. Khi giáp mặt với những hiện tượng lạ như thế, chúng ta chưa hề vượt qua biên giới của định luật thiên nhiên" ^[3].

Chắc chắn là chúng ta chưa hề. Nhưng liệu các nhà khoa học có dám quả quyết rằng mình sở hữu được các bí quyết của định luật ấy chẳng? Ông de Gasparin nghĩ rằng mình có đấy. Ta hãy chờ xem.

[1] Ở đây cố nhiên là de Mirville biện hộ cho thuyết ma quỷ.

[2] "Những cái Bàn", quyển I, trang 213.

[3] Quyển I, trang 217.

Tôi không dám liều mình giải thích mọi chuyện, vì đó không phải là nhiệm vụ của tôi (?). Tôi chỉ có cao vọng muốn chứng thực những sự kiện đơn giản và khẳng định một sự thật mà khoa học chỉ muốn ém nhẹm đi thôi. Tuy nhiên tôi không thể cưỡng lại sự cám dỗ muốn vạch ra cho những kẻ coi chúng tôi giống như biết bao nhiêu kẻ *giác ngộ* hoặc thầy phù thủy thấy rằng pha trình diễn mà ta đang xét đưa ra một cách thuyết giải phù hợp với các định luật thông thường của khoa học.

"Giả sử một lưu chất xuất phát từ những người thí nghiệm và chủ yếu là từ một số người; giả sử rằng ý chí xác định cái khuynh hướng mà lưu chất đi theo thì bạn sẽ dễ dàng hiểu được việc một cái chân bàn quay tròn và khinh thân khi có một luồng lưu chất dư thừa phóng về phía nó theo tác động của ý chí. Giả sử rằng thủy tinh làm thất thoát lưu chất thì bạn sẽ hiểu được vì sao cái ly không có chân đặt trên cái bàn có thể làm cho nó ngưng quay và cái ly đặt ở một phía bàn khiến cho lưu chất bị tích lũy lại phía đối diện với hậu quả là *nhấc bổng phía đó lên!*".

Nếu mọi người trong các nhà thí nghiệm đều là những nhà thôi miên mesmer khéo léo thì ngoại trừ một số chi tiết quan trọng ta có thể chấp nhận được lời giải thích. Theo vị giáo sĩ bác học của vua Louis Philippe, ý chí con người có biết bao nhiêu quyền năng đối với vật chất vô tri vô giác. Nhưng thế còn cái trí thông minh mà cái bàn phô diễn thì sao? Liệu ông ta có thể giải thích được chẳng việc ta có thể thu được những lời giải đáp đối với các câu hỏi nhờ vào tác nhân của cái bàn này? Những câu trả lời ấy không thể là "những suy gẫm của bộ óc" của những người có mặt (một trong những thuyết mà de Gasparin ưa chuộng nhất) vì ý tưởng của chính họ ngược hẳn lại cái triết lý rất phóng khoáng mà cái bàn kỳ diệu này trình bày? Ông ta bèn lặng im về vấn đề này. Tác nhân đó có thể là bất cứ thứ gì ngoại trừ các vong linh cho dù của con người, ma quỷ hoặc tinh linh ngũ hành.

Như vậy ta ắt thấy việc "đồng thời tập trung tư tưởng" cùng với việc "tích lũy lưu chất" cũng đâu có gì khác hơn "tác động trí não vô ý thức" và "lực thông linh" của các nhà khoa học khác. Chúng ta ắt phải thử làm trở lại, và chúng ta có thể tiên đoán trước rằng cả ngàn lẻ một thuyết của khoa học cũng tỏ ra chẳng ích lợi gì chừng nào họ chưa chịu thú nhận rằng lực này đâu phải là sự phóng chiếu ý chí tích lũy của những người lên đồng mà trái lại là một lực bất bình thường, xa lạ với bản thân họ và có tính cách siêu thông tuệ.

Giáo sư Thury (vốn chối bỏ thuyết vong linh của người quá cố) bác bỏ thuyết ma quỷ của Ki Tô giáo và tỏ ra không sẵn lòng tuyên bố ủng hộ thuyết của Crookes (thuyết thứ 6, thuyết nói về các môn phái Hermes và các nhà thông thần thời xưa); giáo sư chọn theo một thuyết mà qua một bức thư ông bảo rằng đó là "thuyết thận trọng nhất và khiến cho ông cảm thấy mạnh mẽ chống lại mọi người". Hơn nữa, ông cũng chẳng chấp nhận bao nhiêu giả thuyết của de Gasparin bàn về "quyền năng ý chí vô ý thức". Ông nói trong tác phẩm của mình như sau:

"Xét về các hiện tượng loan báo chẳng hạn như sự khinh thân mà không ai đụng tới và việc dịch chuyển đồ đạc do những bàn tay vô hình, vì người ta không thể tiến nghiệm chứng tỏ rằng chúng không thể xảy ra, cho nên không ai có quyền coi là phi lý những bằng chứng nghiêm túc vốn khẳng định rằng chúng có xảy ra" (trang 9).

Còn về phần thuyết mà ông de Gasparin đề nghị thì Thury phán xét nó một cách rất khắc nghiệt. De Mirville nói: "Trong khi công nhận rằng trong các thí nghiệm ở Valleyres vị trí của lực có thể ở nơi chính cá nhân – và chúng tôi xin nói rằng nó đồng thời ở bên ngoài lẫn bên trong các nhân – và nói chung có thể cần phải có ý chí (trang 20), ông chỉ lập lại điều mà mình đã nói trong lời nói đầu nghĩa là: 'ông de Gasparin trình bày với chúng ta những sự kiện trắng trợn và ông đưa ra những lời giải thích sau đó nói lên giá trị của chúng. Hãy hà hơi tiếp sức cho chúng thì cũng chẳng có nhiều người ủng hộ được điều đó. Không đâu, có rất ít (nếu có) điều gì vẫn còn đọng lại trong lời giải thích của ông. Còn về phần những sự kiện thì từ nay trở đi chúng đã được chứng tỏ rồi (trang 10)'.

Ông Crookes có bảo cho ta biết rằng giáo sư Thury bác bỏ những lời giải thích này và coi như các tác dụng ấy là do một chất đặc thù, một lưu chất hoặc tác nhân, thậm chí mọi thứ vật chất thuộc thần kinh hệ vô cơ hoặc hữu cơ, theo một cách thức giống như ether mang ánh sáng của các nhà khoa học. Ông gọi chất đó là chất *ode tâm linh*. Ông bước vào việc bàn luận tỉ mỉ về các tính chất của cái trạng thái hoặc dạng vật chất này và đề nghị thuật ngữ lực *ngoại khí* . . . để chỉ cái quyền năng được vận dụng khi tâm trí tác dụng từ xa thông qua ảnh hưởng của chất *ode tâm linh*^[1].

Ông Crookes nhận xét thêm rằng "lực *ngoại khí* của giáo sư Thury và 'lực thông linh' của chính ông hiển nhiên là những từ tương đương".

Chúng ta chắc chắn không thể dễ dàng chứng tỏ được rằng hai lực này là đồng nhất; hơn nữa còn có ảnh hưởng tinh tú tức ánh sáng "tinh đầu" được giải thích theo các nhà luyện kim đan và Eliphas Levi trong tác phẩm *Giáo điều và Nghi thức của Pháp thuật Cao cấp*, khi mang tên AKASA, tức nguyên sinh khí, cái lực thẩm thấu vạn vật này đã được môn đồ phái lửa thể, các pháp sư Ấn Độ và các cao đồ ở khắp mọi nước biết tới cách đây cả ngàn năm rồi; hiện nay họ vẫn còn biết tới nó và các vị lạt ma Tây Tạng, các fakirs, các nhà thần thông thuộc đủ mọi quốc tịch và ngay cả nhiều "kẻ sơn đông mãi võ" Ấn Độ cũng sử dụng nó.

Trong nhiều trường hợp xuất thần được cảm ứng nhân tạo do thuật thôi miên mesmer hoàn toàn có thể, thậm chí hoàn toàn có lẽ rằng chính "chơn linh" của đối tượng tác động dưới sự hướng dẫn của ý chí nhà thao tác. Nhưng nếu người đồng cốt vẫn còn có ý thức và những hiện tượng tâm linh vật lý diễn ra biểu thị một trí thông minh hướng dẫn thì trừ phi người ta thừa nhận rằng mình là một "pháp sư" và có thể xuất vĩa thì sự kiệt lực về thể chất chẳng thể có ý nghĩa gì hơn là sự rũ rượi về thần kinh. Bằng chứng theo đó y là công cụ thụ động của các thực thể vô hình kiểm soát những mảnh lực huyền bí dường như là có tính chất thuyết phục. Cho dù lực *ngoại khí* của Thury và lực *thông linh* của Crookes thực chất là cùng một nguồn gốc thì những nhà khám phá độc lập này dường như bất đồng ý kiến rất nhiều về tính chất và mãnh lực của lực này; trong khi giáo sư Thury thật thà công nhận rằng các hiện tượng lạ thường được tạo ra bởi "các ý chí không thuộc về con người", do đó cố nhiên là ủng hộ một cách có thẩm quyền cho thuyết số 6 của Crookes thì bản thân ông Crookes khi thừa nhận tính xác thực của các hiện tượng lạ, cho đến nay cũng không phát biểu được một ý kiến nhất định nào về nguyên nhân của chúng.

Như vậy ta thấy rằng ông Thury (vốn khảo cứu những pha trình diễn này cùng với de Gasparin vào năm 1854) cũng như ông Crookes (vốn thừa nhận tính chân thực không chối cãi được của chúng vào năm 1874) đều không đạt được tới một điều gì xác định. Cả hai đều là các nhà hóa học, vật lý học và là những người rất uyên bác. Cả hai đều quan tâm tới vấn đề gây bối rối này, ngoài hai nhà khoa học này ra thì còn có nhiều nhà khoa học khác, trong khi đạt tới cùng một kết luận thì cho đến nay lại không thể cung ứng được cho thế giới một giải pháp cuối cùng nào. Vậy là suy ra rằng trong vòng 20 năm, không có một nhà khoa học nào đã đạt được một bước tiến hướng về việc làm sáng tỏ điều bí nhiệm ấy, nó vẫn cứ trơ trơ ra, không ai xuyên thấu qua được chẳng khác nào những bức vách của một lâu đài bị yểm trong một câu chuyện thần tiên.

Liệu ta có quá xấc láo chẳng khi phỏng đoán rằng có lẽ các nhà khoa học hiện đại bị mắc vào điều mà thuật ngữ tiếng Pháp gọi là *cái vòng lẩn quẩn*? Ta đã phỏng đoán rằng khi bị vướng víu bởi sức nặng của thuyết duy vật và tính bất cập của điều mà họ gọi là "khoa học chính xác" khi muốn chứng tỏ cho mình thấy rành rành sự tồn tại của một vũ trụ tâm linh có đông đúc sinh linh nhiều hơn cả vũ trụ hữu hình của ta, số phận của họ mãi mãi phải là bò lòng vòng bên trong cái vòng lẩn quẩn, không sẵn lòng - nói cho đúng hơn là không thể - xuyên thấu khỏi cái vòng bị yểm ấy để thăm dò được chiều dài và chiều rộng của nó? Chỉ có thành kiến mới khiến cho họ không thỏa hiệp với những

[1] Crookes: "Lực Thông linh", phần I, trang 26-27.

sự kiện đã được xác lập vững chắc và tìm cách liên minh với những nhà tử điển và chuyên gia về thuật thôi miên Mesmer chẳng hạn như Du Potet và Regazzoni.

Socrates ở Cebes có thắc mắc "Thế thì chết rồi sẽ ra sao đây?" Câu trả lời là có chết thì mới "Sống" ^[1]. Vì linh hồn vốn bất tử cho nên liệu nó có thể sẽ là gì khác hơn điều bất diệt? ^[2]. Giáo sư Lecomte nói "hạt giống không thể phát triển chừng nào nó còn chưa bị tiêu hủy hết một phần"; Thánh Paul có nói "nếu nó không chết đi thì nó không linh hoạt được".

Một đóa hoa nở ra rồi tàn lụi và chết đi. Nó để lại đằng sau một hương thơm và còn lâu hơn nữa thì đến lượt những cánh hoa mong manh của nó chỉ còn là cát bụi nhỏ, vẫn còn lờn vờn trong không khí. Giác quan vật chất của ta có thể không nhận biết được nó, tuy nhiên nó vẫn tồn tại. Ta hãy dùng một nhạc cụ để thổi lên một nốt nhạc thì cái âm thanh nhỏ nhặt ấy vẫn tạo ra một tiếng vọng đời đời. Một sự nhiễu loạn được tạo ra trên những đợt sóng vô hình của đại dương không gian không bờ bến và rung động ấy chẳng bao giờ mất đi hoàn toàn. Năng lượng của nó đã từng một lần được chuyển từ thế giới vật chất sang thế giới phi vật chất ắt sẽ sống đời đời. Thế mà người ta yêu cầu chúng ta tin rằng con người tức chơn nhưn, thực thể sống động biết suy tư và lý luận, đấng thiêng liêng ngự trong bản thể ta vốn là một tuyệt tác đạt đỉnh cao, chơn nhưn ấy mà lại thoát ra khỏi cái xác phàm để rồi không còn gì nữa ư! Nếu cái nguyên lý liên tục vốn tồn tại ngay cả đối với cái gọi là vật chất vô cơ tức là một nguyên tử trôi nổi, nếu cái nguyên lý ấy mà bị chối bỏ cho tinh thần vốn có thuộc tính là tâm thức, ký ức, tâm trí, TÌNH THƯƠNG! Cái ý tưởng ấy quả thật là vớ vẩn. Chúng ta càng suy nghĩ thì chúng ta càng học thêm được nhiều và chúng ta càng thấy khó có thể giải thích được thuyết vô thần của nhà khoa học. Chúng ta có thể dễ dàng hiểu được việc một người dốt đặc về các định luật thiên nhiên, không biết gì về hóa học hoặc vật lý học, y có thể bị cuốn hút chết người vào thuyết duy vật vì chính sự dốt nát của mình, vì y không thể hiểu được triết lý của khoa học chính xác hoặc suy diễn được do sự tương tự từ *hữu hình* sang *vô hình*. Một nhà siêu hình học bẩm sinh, một kẻ mơ mộng dốt nát có thể đột nhiên bừng tỉnh và tự nhủ rằng: "Tôi chỉ mơ thấy điều đó, tôi chẳng có bằng chứng rành rành nào về điều mà mình tưởng tượng ra, đó chỉ là điều hão huyền", v.v. . . Nhưng đối với một nhà khoa học đã quen thuộc với đặc trưng của năng lượng vũ trụ thì việc khẳng định rằng *sự sống* chỉ là một hiện tượng của vật chất, một loại năng lượng; việc khẳng định ấy chẳng khác nào thú nhận rằng bản thân mình không thể phân tích và hiểu đúng đắn được đầu cua tai nheo của cái thứ vật chất ấy.

Việc chôn thành nghi ngờ về tính bất tử của linh hồn con người là một căn bệnh, một dị tật của bộ óc phàm và đã tồn tại trong mọi thời đại. Cũng như có những đứa trẻ sinh ra với một cái thóp ở trên đầu, cũng vậy có những người cho đến giờ phút cuối cùng cũng không thể dứt bỏ được cái loại thóp hiển nhiên là bao bọc các cơ quan tâm linh của mình. Nhưng hoàn toàn có một xúc cảm khác khiến cho họ bác bỏ khả năng xảy ra những hiện tượng tâm linh và pháp thuật. Xúc cảm ấy có đích danh là *lòng hiếu danh*. "Chúng ta không thể tạo ra và cũng không thể giải thích được nó; vì thế cho nên nó *không hề tồn tại* và hơn nữa *chẳng bao giờ tồn tại*". Đây là lập luận không thể bác bỏ được của các triết gia thời nay. Cách đây chừng 30 năm, E. Salverte làm sừng sốt thế giới của "những kẻ cả tin" bằng tác phẩm *Triết lý về Pháp thuật*. Tác phẩm này rêu rao rằng mình đã vén được bức màn bí mật của toàn thể những phép lạ trong Thánh kinh cũng như những phép lạ trong các thánh điển Ngoại đạo. Ta có thể *tóm tắt* nó như sau: Có những thời đại dài dằng dặc quan sát; có kiến thức rất nhiều (so với thời dốt nát) của khoa học tự nhiên và triết học; bip bợm chỉ khéo tay ảo thuật; quang học, trò ảo hóa; ngoa ngoắc. Kết luận hợp lý cuối cùng: các nhà Thông thần, các đạo gia, các pháp sư, đều là kẻ vô lại và quân đều cán; những người còn lại trên thế giới đều là những kẻ điên rồ.

[1] Plato, tác phẩm "Phaedo", tiết 44.

[2] Như trên, tiết 128.

Trong nhiều bằng chứng kết luận khác, bạn đọc có thể thấy ông ta đưa ra lời lẽ sau đây: "Các môn đồ nhiệt thành của Iamblichus quả quyết rằng khi ông cầu nguyện thì ông được nâng cao lên tới 10 cubits (khoảng 4,5 mét) so với mặt đất và những kẻ bị cũng cái ẩn dụ đó lừa, mặc dù là Ki Tô hữu vẫn ngây thơ gán cái phép lạ giống như thế cho Thánh Clare và Thánh Francis ở Assisi" [1].

Hàng trăm khách lữ hành tuyên bố rằng mình đã thấy các fakirs tạo ra các hiện tượng lạ giống như thế và người ta nghĩ rằng tất cả những người đó đều hoặc là nói dối hoặc là bị ảo giác. Nhưng chỉ mới đến hôm qua thì cũng hiện tượng ấy được một nhà khoa học nổi tiếng chứng kiến và ủng hộ vì nó được tạo ra trong điều kiện thí nghiệm, được ông Crookes tuyên bố là chân thực và vượt ngoài khả năng là một điều hão huyền hoặc mánh khóe. Và nó đã được biểu lộ biết bao lần trước kia cũng như được nhiều nhân chứng xác nhận, mặc dù ngày nay người ta nhất tề không tin vào các nhân chứng ấy.

Hỡi Eusebe Salverte cả tin! Mong sao có sự an bình cho đám tro tàn khoa học của người. Người đã biết trước khi kết liễu thế kỷ hiện nay thì minh triết bình dân sẽ sáng chế ra một ngôn ngữ mới: "Cả tin một cách không thể tin nổi như một nhà khoa học".

Tại sao dường như không thể lúc hồn lìa khỏi xác thì nó có quyền năng làm linh hoạt một hình tướng phù du nào đó, được tạo ra từ cái lực pháp thuật "thông linh" hoặc "ngoại khí" hoặc "tinh anh", nhờ có sự trợ lực của các âm ma cung cấp cho nó vật chất tinh vi của chính cơ thể mình? Khó khăn duy nhất là ta phải ngộ ra được một sự thật, không gian xung quanh không phải là một khoảng không trống rỗng mà là một kho chứa đầy nghẹt những mô hình của vạn vật đã tồn tại, đang tồn tại và sẽ tồn tại. Cũng như các tinh linh thuộc vô số chủng loại không giống như loài người của chúng ta. Nhiều nhà khoa học đã công nhận những sự kiện dường như siêu tự nhiên – siêu tự nhiên ở chỗ chúng công khai đi ngược lại những định luật hấp dẫn đã được chứng tỏ trong thiên nhiên chẳng hạn như trong trường hợp kinh thân nêu trên. Mọi người dám khảo cứu tận tường đều thấy mình bắt buộc phải thừa nhận sự tồn tại của chúng chỉ có điều là trong những nỗ lực không thành công để giải thích cho những hiện tượng bàn về các thuyết dựa vào những định luật của các lực như ta đã biết, thì một số những đại diện cao cấp nhất của khoa học lại vướng mắc vào những khó khăn rối như tơ vò!

Trong tác phẩm *Toát Yếu*, de Mirville mô tả những lập luận của những kẻ đối thủ với thần linh học vốn bao gồm 5 nghịch lý mà y gọi là *sự loạn trí*.

Sự loạn trí thứ nhất: của Faraday, ông giải thích hiện tượng cái bàn qua việc cái bàn *thúc đẩy* bạn do "hậu quả của sức cản *đẩy lùi nó lại*".

Sự loạn trí thứ nhì: " của Babinet, giải thích mọi sự giao tiếp (bằng những tiếng gõ) mà theo ông nói là được tạo ra "thực tình với trọn vẹn lương tâm, chính xác về mọi mặt và mọi nghĩa; do *thuật truyền âm nhập mật*", tất yếu là hàm ý phải dùng tới năng lực đó – là *sự xảo trá*.

Sự loạn trí thứ ba: của bác sĩ Chevreuil, giải thích năng lực làm di chuyển đồ đạc mà không tiếp xúc do sơ bộ thụ đắc được năng lực đó.

Sự loạn trí thứ tư: của Bác học viện Pháp và các thành viên của nó, vốn đồng ý chấp nhận các phép lạ với điều kiện là các phép lạ tuyệt nhiên không đi ngược lại định luật thiên nhiên mà họ đã quen thuộc.

Sự loạn trí thứ năm: của de Gasparin, giới thiệu điều mà mọi người bác bỏ là một hiện tượng *sơ cấp* hoàn toàn và rất *đơn giản*, chính là vì chưa ai đã từng thấy điều giống như thế [2].

Trong khi các nhà khoa học vĩ đại mà cả thế giới đều biết sa đà vào những thuyết hoang đường như thế, thì một số các nhà thần kinh học tiếng tăm hơn tìm cách giải thích các hiện tượng huyền bí thuộc đủ mọi loại qua luồng ám khí bất thường do bị động

[1] "Triết lý Pháp thuật", bản dịch tiếng Anh, trang 47.

[2] De Mirville: "Các Vong linh", trang 159.

kinh ^[1]. Một người khác chữa trị cho các đồng cốt – và chúng ta có thể suy đoán rằng cả các thi sĩ nữa – bằng cây assafoetida và amoniac ^[2] và tuyên bố mọi người tin đồ đố với các pha trình diễn thần linh học đều là kẻ điên rồ và các thần bí gia bị ảo giác.

Cái số lượng đáng kể lời khuyên mà ta thấy trong kinh Tân Ước: “Hỡi y sĩ, người hãy tự chữa trị chính mình” được phó thác cho vị diễn giả và nhà bệnh lý học tự phong nêu trên. Thật vậy, không một người lành mạnh nào lại gieo rắc tràn lan chứng điên rồ cho 446 triệu người ở khắp nơi trên thế giới vốn tin vào sự giao tiếp của các vong linh với chúng ta.

Ta hãy xét tới tất cả mọi điều này, thì ta vẫn còn phải lấy làm lạ về cái giả định phi lý của những người ấy, họ rêu rao mình được coi là các vị cao đạo của khoa học do có quyền học vấn, họ xếp loại một hiện tượng mà họ chẳng biết chút nào. Chắc chắn là nhiều triệu người nông dân nam nữ, nếu bị hão huyền đều ít ra cũng đáng được lưu tâm những con sâu khoai tây hay loài cào cào châu chấu! Nhưng thay vào đó ta tìm được điều gì? Quốc hội Mỹ, theo yêu cầu của Hiệp hội Thăng tiến Khoa học Mỹ đã ban hành điều lệ của tổ chức Ủy hội Côn trùng Quốc gia; các nhà hóa học đang bận rộn đun sôi những con ếch nhái và con sâu; các nhà địa chất học giải trí khuây khỏa bằng những cuộc điều tra cốt học về những *con cá vẩy láng* có áo giáp và bài luận về nha học của đủ thứ loài cá *dynichtys*; và các nhà côn trùng học cũng mất đi lòng nhiệt thành khi khiến cho mình đạt tới mức húp từng chút một những con cào cào châu chấu được đun sôi, chiên lên và nấu súp ^[3]. Trong khi đó hàng triệu người Mỹ hoặc là đang quờ quạng trong mê lộ của những điều “hoang tưởng điên rồ”, theo ý kiến của một số các nhà bách khoa từ điển rất bác học, hoặc là bị diệt vong về mặt thể chất do những bệnh “rối loạn thần kinh” được gây ra hoặc nổi bật lên do cơ địa đồng cốt.

Có một thời, người ta có lý do để hi vọng rằng các nhà khoa học Nga sẽ đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu cẩn thận và khách quan vô tư về hiện tượng đó. Một ủy hội được bổ nhiệm bởi trường Đại học Đế quốc ở Saint Petersburg, đứng đầu là Giáo sư Mendeleeff, nhà vật lý học vĩ đại. Chương trình được quảng cáo cung cấp một loạt 40 buổi cầu đồng cho những người đồng cốt được trải nghiệm và những lời chào mời được mở rộng ra cho mọi người thuộc cái tầng lớp muốn đến thủ đô nước Nga để cho người ta khảo sát quyền năng của mình. Theo thông lệ thì họ từ chối – chắc chắn vì tiên đoán có cái bẫy đã được giương ra đối với mình. Sau tám buổi ngồi đồng dựa vào một cái cốc hơi hột và chỉ khi những pha trình diễn trở nên thú vị thì Ủy hội mới phán đoán trước về trường hợp này và công bố một quyết định bất lợi cho những lời rêu rao của thuyết đồng cốt. Thay vì theo đuổi những phương pháp khả kính hợp khoa học thì họ lại muốn gián điệp nhìn qua lỗ khóa. Trong một bài thuyết trình công cộng Giáo sư Mendeleeff tuyên bố rằng thần linh học hoặc bất kỳ niềm tin nào khác về sự bất tử của linh hồn chúng ta đều là một sự pha trộn của *mê tín dị đoan, hoang tưởng và gian lận*; ông còn nói thêm rằng mọi “pha trình diễn” có bản chất như thế – kể cả việc đọc thấu tâm trí, xuất thần nhập hóa và ta phải giả sử là mọi hiện tượng tâm lý khác – có thể và được tạo ra nhờ vào dụng cụ và guồng máy khéo léo được che giấu bên dưới quần áo của những người đồng cốt!

Sau khi có một pha trình diễn công khai về sự dốt nát và thành kiến như thế, ông Butlerof, Giáo sư Hóa học ở Đại học Saint Petersburg và ông Aksakoff, Cố vấn Nhà nước cũng ở thị trấn đó, đã được mời tới giúp sức cho Ủy ban về các đồng cốt, họ đã trở nên ghê gớm đến nỗi phải rút lui. Sau khi đã công bố sự phản đối của mình trong các báo Nga, họ được đa số báo chí ủng hộ, báo chí vốn không xá miễn cho Mendeleeff hay Ủy ban chính thức của mình về sự châm biếm của họ. Trong trường hợp đó thì công luận đã hành động một cách công bằng. Một trăm ba mươi tên gọi của những người có thể

[1] Xem tác phẩm “Mười năm với các Đồng cốt Tâm linh” của tác giả F. Gerry Fairfield, New York, 1875.

[2] Marvin: “Bài giảng về chứng Si cuồng đồng cốt”.

[3] Tạp chí “Người Mỹ Khoa học”, New York, 1875.

lực nhất trong xã hội tốt nhất của thị trấn Saint Petersburg, nhiều người trong những người đó tuyệt nhiên không phải là nhà thần linh học, mà chỉ là những nhà khảo cứu đã thêm chữ ký vào khối lượng phản đối quá xúng đáng.

Kết quả tất yếu của một tiến trình như thế là như sau: thiên hạ nói chung chú ý tới vấn đề thần linh học, các nhóm lên đồng riêng tư được tổ chức ở khắp đế quốc; một số những báo chí phóng khoáng nhất bắt đầu bàn luận đề tài này và như ta viết, một Ủy ban mới được tổ chức để kết thúc nhiệm vụ đã bị chặn lại.

Nhưng giờ đây cố nhiên là họ sẽ làm bốn phần của mình ít hơn bao giờ hết. Họ đã có một cái cố tốt hơn, họ có được trong sự lật tẩy tự phong của người đồng cốt Slade do Giáo sư Lankester ở Luân Đôn. Quả thật là với chứng cứ của một nhà khoa học và các bạn hữu của mình - các ông Lankester và Donkin, người tố cáo chống lại bằng chứng của Wallace, Crookes và một đám những người khác, hoàn toàn xóa bỏ một lời buộc tội chỉ dựa vào thành kiến và bằng chứng dựa vào hoàn cảnh. Tờ báo *Nhà Quan sát Luân Đôn* đã quan sát rất thỏa đáng rằng:

“Đó thật là một điều mê tín dị đoan thuần túy và không một điều gì nữa giả định rằng chúng ta đã làm quen hoàn toàn với các định luật của thiên nhiên đến nỗi mà ngay cả những sự kiện được khảo sát một cách kỹ lưỡng, được chứng nhận bởi một quan sát viên có kinh nghiệm đều phải bị dẹp sang một bên là hoàn toàn không đáng tin cậy chỉ vì thoạt nhìn chúng dường như không phù hợp với điều rõ ràng là đã được biết rồi. Giáo sư Lankester dường như giả định rằng bởi vì có sự gian lận và cả tin rất nhiều mà ta thấy có liên quan tới những sự kiện này - có thể nói chắc chắn là liên quan tới mọi bệnh thần kinh - cho nên sự gian lận và cả tin sẽ giải thích cho mọi phát biểu được kiểm chứng cẩn thận của những quan sát viên chính xác và có lương tâm. Nó bị cưa cụt đi ngay chính cái nhánh cây tri thức mà khoa học qui nạp tất nhiên dựa vào đó, khiến cho trọn cả kiến trúc đều đổ nhào xuống mặt đất”.

Nhưng mọi điều này có gì là quan trọng đối với các nhà khoa học? Theo họ dòng thác của sự mê tín dị đoan quét sạch đi hàng triệu trí năng ưu tú trong cái lộ trình cuộn cuộn của nó không thể đạt tới họ được. Trận hồng thủy hiện đại tên là thần linh học không thể ảnh hưởng tới tâm trí mạnh mẽ của họ và làn sóng lụt đục ngẫu phải mở rộng cơn giận dữ điên cuồng mà không làm ướt ngay cả đế giày ống của họ. Chắc chắn chỉ có sự ngoan cố truyền thống của đảng Tạo hóa mới ngăn cản ngài thú nhận thời nay các phép lạ của ngài chẳng có mấy cơ may trong việc làm mờ mắt các nhà khoa học được mệnh danh như thế. Vào lúc này, ngay cả ngài cũng phải biết và nhận xét rằng từ lâu rồi họ đã quyết định viết trên những đà ngang có trụ đỡ của các viện đại học và trường đại học câu sau đây:

Khoa học yêu cầu Thượng Đế không làm phép lạ ở nơi đây! ^[1]

Cả các nhà thần linh học vô đạo và các tín đồ Công giáo La Mã chính thống năm nay dường như đã liên minh lại để chống những cao ngạo đả phá thần tượng của thuyết duy vật. Sự gia tăng lòng đa nghi mới đây cũng đã phát triển sự gia tăng lòng cả tin

[1] “Do bổ nhiệm của Vua để bảo vệ Thượng Đế,
Ngài đã làm phép lạ ở những nơi chốn này”

Đây là một lời châm biếm mà người ta thường viết trên những bức vách của nghĩa trang vào thời có những phép lạ của phái tiền định Jansen và việc cảnh sát Pháp cấm đoán chúng.

Phụ chú: *Phái Jansenisme*

Học thuyết phái Jansen tự nhận là dựa vào truyền thống của thánh Augustin, được giám mục Jansen gốc Hà Lan (1585-1638) trình bày trong tác phẩm Augustinus xuất bản năm 1640 (khi ông đã mất). Khá giống với Calvin, Jansen tỏ ra bi quan về bản tính con người đã hư hỏng do tội nguyên tổ; chỉ những ai được tiền định mới được cứu; sống nghiêm ngặt về luân lý là dấu hiệu được tiền định. Thực ra chủ trương này đã được thần học gia Baius (ở Louvain) phổ biến và bị kết án năm 1567. Nhưng khi cuốn Augustinus ra đời, các cuộc tranh luận mới bùng nổ.

như thế. Những người ủng hộ các "phép lạ" của Thượng Đế trong Kinh thánh cạnh tranh với những hiện tượng đồng cốt của những người viết bài tán tụng và thời trung cổ sống lại nơi thế kỷ thứ 19. Một lần nữa, chúng tôi thấy Đức Mẹ Đồng Trinh Mary liên lạc bằng thư tín trở lại với những đứa con trung thành của giáo hội mình; và trong khi những "người bạn thiên thần" viết nguệch ngoạc các thông điệp cho các nhà thần linh học thông qua những người đồng cốt thì "Mẹ Thiên Chúa" thả những lá thư rớt thẳng từ trên trời xuống đất. Đền thờ Notre Dame ở Lourdes đã biến thành ra một phòng kín thần linh học cho những "pha trình diễn", trong khi những phòng kín của các đồng cốt được lòng dân ở nước Mỹ lại biến thành những đền thờ linh thiêng mà Mohammed, Giám mục Polk, Joan of Arc và các chơn linh quý tộc khác từ phía trên "dòng sông u ám" đã giáng xuống để "hiện hình" trong ánh sáng thanh thiên bạch nhật. Và nếu Đức Mẹ Đồng Trinh Mary được chứng kiến là đi dạo hằng ngày trong những khu rừng xung quanh Lourdes với hình người tròn vẹn thì tại sao vị tông đồ của đạo Hồi và Giám mục Louisiana đã quá cố lại không như thế? Hoặc là cả các "phép lạ" đều có thể được hoặc là cả hai loại pha trình diễn này, "thiên linh" cũng như "tâm linh" đều là những trò bịp bợm đích thực. Chỉ có thời gian mới chứng tỏ được điều đó; nhưng trong lúc ấy khi khoa học từ chối cho vay mượn ngọn đèn pháp thuật để soi sáng những điều bí ẩn này, thì quần chúng nhân dân phải vấp ngã chẳng biết mình có bị sa lầy hay chăng.

"Những phép lạ" gần đây ở Lourdes đã được bàn luận một cách bất lợi trong các báo chí ở Luân Đôn, Mosignor Capel truyền đạt cho tờ báo *Times* (Thời Báo) quan điểm của Giáo hội La Mã bằng những thuật ngữ sau đây:

"Còn về phần những sự chữa trị mầu nhiệm đã được thực hiện, tôi xin bạn đọc hãy tham chiếu tác phẩm bình thản, đúng đắn *Hang động Lourdes* do Bác sĩ Dozous viết ra, ông là một nhà thực hành lỗi lạc thường trú, thanh tra các bệnh dịch của vùng quận và là y sĩ phụ tá ở Tòa tư pháp. Ông có viết lời nói đầu cho một số trường hợp chi tiết về những phép chữa bệnh mầu nhiệm mà ông bảo rằng mình đã nghiên cứu một cách rất cẩn thận và kiên trì bằng những lời lẽ sau đây: 'Tôi tuyên bố rằng những phép chữa trị này được thực hiện ở Thánh đường Lourdes nhờ vào nước suối nguồn, chúng đã xác lập được tính cách siêu tự nhiên của mình dưới mắt những người trung thực. Tôi phải thú nhận rằng nếu không có những phép chữa trị này thì tâm trí tôi (ít có khuynh hướng lắng nghe bất kỳ loại giải thích mầu nhiệm nào) ắt phải rất khó khăn khi chấp nhận ngay cả sự kiện này (sự hiện hình) cho dù nó nổi bật lên theo biết bao nhiêu quan điểm. Nhưng những phép chữa trị mà tôi rất thường là một nhân chứng tận mắt đã cung cấp cho tâm trí tôi một ánh sáng vốn không cho phép tôi lơ đi tầm quan trọng của những cuộc viếng thăm của Bernadette tới hang động Lourdes và sự thực về những kỳ hiện hình mà bà có được ân sủng'. Chứng nhận của một y sĩ lỗi lạc vốn đã cẩn thận quan sát Bernadette ngay từ đầu cùng với những phép chữa trị mầu nhiệm ở hang động Lourdes ít ra cũng đáng được xem xét trân trọng. Tôi có thể nói thêm rằng số lớn những người đến với hang động Lourdes làm như thế để ăn năn hối lỗi, để gia tăng lòng mộ đạo, để cầu nguyện cho sự phục sinh xứ sở mình, để công khai tuyên bố mình tin vào Con của Thượng Đế và Đức Mẹ Vô Nhiễm. Nhiều người đến để được chữa trị những bệnh tật về thể xác và dựa vào chứng nhận của những người chứng kiến tận mắt thì có một vài người trở về nhà thoát khỏi bệnh tật. Bị quả trách là không có đức tin (bài báo của bạn làm như thế), những người cũng dùng nước suối lấy ở rặng núi Pyrenees cũng bị tố cáo một cách hợp lý là thiếu đức tin khi các thẩm phán trừng phạt những người đặc thù vì lơ là việc cứu trợ y tế. Sức khỏe bắt buộc tôi phải sống qua mùa đông từ năm 1860 tới năm 1867 ở Pau. Điều này cung cấp cho tôi cơ hội điều tra tỉ mỉ nhất về sự hiện hình ở Lourdes. Sau khi có những cuộc khảo sát thường xuyên và kéo dài của Bernadette về một số phép lạ được thực hiện, thì tôi tin chắc rằng, nếu người ta phải tiếp nhận dựa vào chứng nhận các sự kiện của con người thì sự hiện hình có xảy ra ở Lourdes, mọi lời khẳng định được tiếp nhận là một sự kiện không chối cãi được. Tuy nhiên đó không phải là một bộ phận của đức tin Công giáo ta có thể chấp nhận hoặc bác bỏ mà tuyệt nhiên không có lời khen hoặc kết án nào của bất kỳ tín đồ Công giáo".

Xin bạn đọc hãy chú ý câu mà chúng tôi viết nghiêng. Điều này nêu rõ rằng mặc dù không thể sai lầm và tự do thông công với nước Chúa Trời, Giáo hội Công giáo vẫn bằng lòng chấp nhận ngay cả giá trị của những phép lạ *thiên liêng* dựa vào sự chứng nhận của con người. Giờ đây khi chúng ta quay sang bản phúc trình của những bài phúc trình gần đây về tiến hóa tại New York của ông Huxley, ta thấy ông bảo rằng chúng ta tùy thuộc vào "chứng cứ lịch sử của loài người để có được phần lớn kiến thức đối với những việc làm trong quá khứ". Trong một bài thuyết trình về Sinh học, ông đã nói rằng ". . . mọi người có chú ý tới sự thật trong tâm hồn phải chân thành muốn rằng mọi sự chỉ trích đúng đắn và có cơ sở vững chắc mà có thể thực hiện được thì nên được thực hiện; nhưng cốt yếu là người chỉ trích nên biết mình đang nói về điều gì". Một câu kinh mà tác giả nhớ lại khi y đảm nhiệm việc tuyên phán về những đề tài tâm lý học. Nếu thêm câu kinh này vào quan điểm của ông như được diễn tả trên kia thì ai có thể đòi hỏi một bục giảng tốt hơn để gập gở được ông trên đó?

Ở đây chúng ta có một đại biểu duy vật và một đại biểu Giám mục Công giáo phát biểu một quan điểm đồng nhất về sự đầy đủ của *chứng cứ con người* nhằm chứng tỏ sự kiện làm thích ứng thành kiến của mỗi người cần phải tin. Sau đó thì môn đồ huyền bí học hoặc ngay cả nhà thần linh học cần gì phải săn đuổi những sự ủng hộ luận chứng mà họ đã có từ lâu rồi và đã được đưa ra một cách kiên trì theo đó những hiện tượng tâm lý của các nhà thần thông thời xưa và thời nay đều được chứng tỏ một cách dồi dào dựa vào chứng nhận của con người, phải chăng những hiện tượng ấy đều được chấp nhận là những sự kiện? Giáo hội và trường Đại học đã kêu cầu tới tòa án chứng cứ của con người, cho nên họ không thể chối bỏ một đặc quyền tương đương cho phần còn lại của nhân loại. Một trong những thành quả của sự biến động gần đây ở Luân Đôn về đề tài các hiện tượng đồng cốt chính là việc diễn tả một số quan điểm phóng khoáng rất đáng kể đối với báo chí thế tục. "Năm 1876 tờ *Tin tức Luân Đôn Hằng ngày* có nói: "Trong bất kỳ trường hợp nào thì chúng ta phải thu nhận thần linh học đưa tới chỗ những đức tin được dung thứ và do đó cứ bỏ mặt nó. Nó cũng có nhiều tín đồ cũng thông minh như hầu hết chúng ta và bất kỳ khuyết điểm hiển nhiên rành rành nào nơi bằng chứng được ngụ ý là thuyết phục đều đã hiển nhiên rành rành từ lâu rồi. Một số *những người minh triết nhất trên thế giới tin vào ma* và vẫn tiếp tục như thế cho dù lần lượt nửa tá người đã bị kết tội hù dọa người khác bằng như yêu tinh giả mạo.

Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, thế giới vô hình phải đấu tranh chống lại thói đa nghi duy vật của những kẻ giả nhân giả nghĩa mù quáng với linh hồn. Plato than phiền về việc thiếu đức tin như thế và đề cập tới khuynh hướng độc hại này nhiều lần trong tác phẩm của mình.

Từ Kapila, triết gia Ấn Độ, vốn nhiều thế kỷ trước Công nguyên đã phản đối lời khẳng định của các đạo sĩ Yoga thần bí là trong cơn xuất thần một người có khả năng thấy Đấng Thiên Liêng, mặt giáp mặt và đàm đạo với những sinh linh "cao nhất", xuống mãi tới môn đồ phái Voltaire thuộc thế kỷ 18, họ cười nhạo mọi thứ mà người khác cho là linh thiêng, mỗi thời đại đều có các vị thánh Thomas không tin. Liệu họ có bao giờ thành công trong việc kiểm soát sự tiến bộ của sự thật? Không nhiều hơn những kẻ ngu tin vô minh vốn ngồi xét xử Galileo kiểm soát sự tiến bộ trong việc trái đất quay tròn. Không một sự lật tẩy nào có thể ảnh hưởng với tầm mức sống còn tới sự ổn định hoặc mất ổn định của một đức tin mà nhân loại kế thừa từ những giống dân đầu tiên; nếu chúng ta có thể tin vào sự tiến hóa của chơn Nhơn cũng như sự tiến hóa của phàm Nhơn thì những người đó có được sự thật vĩ đại do các tổ tiên thốt ra, đây là *chư thần linh của tổ phụ*, "họ vốn ở phía bên kia của trần lụy". Việc Thánh kinh đồng nhất với các thần thoại trong thánh thư Ấn Độ và vũ trụ khởi nguyên luận của các quốc gia khác đều phải được chứng tỏ trong một ngày tương lai nào đó. Ta ắt thấy *những chuyện ngụ ngôn thuộc các thời đại dựng nên thần thoại chẳng qua chỉ ẩn dụ hóa những sự thật vĩ đại nhất của địa chất học và nhân loại học*. Chính những nơi thần thoại được diễn tả một cách lỗ bịch này thì khoa học mới mưu tìm được "những mắt xích còn thiếu" của mình.

Mặt khác ở đâu ra những sự “trùng hợp” kỳ lạ trong những câu chuyện riêng biệt của các quốc gia và các dân tộc đã bị phân tán tàn mác xiết bao? Ở đâu ra cái sự đồng nhất của những quan niệm sơ khai, mặc dù giờ đây chúng được gọi là chuyện ngụ ngôn và chuyện thần thoại, song lẽ chúng vẫn bao hàm trong đó hạt nhân của những sự kiện lịch sử, của một sự thật được gieo đầy với những lớp vỏ tô điểm bình dân nhưng vẫn còn là sự thật. Ta chỉ cần so sánh câu thơ sau đây trong *Sáng thế ký* vi. : “Và nó đã xảy ra khi *con người bắt đầu sinh sôi nảy nở* trên mảnh đất và những đứa con gái được sinh ra đối với họ sao cho những đứa con của Thượng Đế thấy những con gái loài người rất xinh đẹp, và con Thượng Đế đã cưới con gái loài người làm vợ với tất cả những gì mà mình chọn lựa . . . Thời đó có những *người khổng lồ trên trái đất*” v.v. . . với bộ phận này của vũ trụ khởi nguyên luận Ấn Độ, trong kinh *Phệ đà* vốn nói về dòng dõi của người Bà la môn. Người Bà la môn đầu tiên phân nân là *bị cô đơn* trong đám tất cả huynh đệ mà không có được một người vợ. Mặc dù Đấng Vĩnh Hằng khuyên y hãy chỉ dành trọn thời gian cho việc nghiên cứu Kiến thức Linh thiêng (kinh *Phệ đà*), song đứa con *cả* của loài người vẫn cứ khăng khăng đòi hỏi. Khi bị khiêu khích vì lòng vô ân bạc nghĩa như thế, Đấng Vĩnh Hằng cung cấp cho Brahman một người vợ của giống dân *Daints* tức là những người *khổng lồ* mà mọi người Bà la môn đều thuộc dòng dõi đó về họ ngoại. Như vậy là mặt khác, toàn thể giáo sĩ Ấn Độ đều thuộc dòng dõi ấy, bắt nguồn từ những chơn linh *cao cấp* (các con của Thượng Đế) và từ *Daintany*, một đứa con gái của những kẻ khổng lồ trên trần thế, những người nguyên thủy ^[1]. “Và họ sinh con cho những người khổng lồ, những người khổng lồ này trở thành những người dũng mãnh thời xưa, những người lừng danh” ^[2].

Ta cũng thấy điều giống như vậy trong mảnh vụn vũ trụ khởi nguyên luận Bắc Âu. Trong tác phẩm *Edda* có trình bày việc mô tả cho Gangler do bởi Har – một trong ba người thông tin (Har, Jafuhar và Tredi) của con người đầu tiên tên là Bur, “cha của Bör, ông lấy Besla làm vợ, Besla là con gái của người khổng lồ Bölthara thuộc giống *người khổng lồ nguyên thủy*”. Ta có thể thấy câu chuyện trọn vẹn và thú vị trong bản văn *Edda* các tiết từ 4-8 trong tác phẩm *Cổ tích phương Bắc* của Mallett ^[3].

Cũng căn cứ đó là nền tảng của các chuyện ngụ ngôn Hi Lạp nói về những người khổng lồ Titan và ta cũng có thể thấy nó trong huyền thoại của người Mehico – bốn giống dân liên tiếp của *Popol Vuh*. Nó cấu thành một trong nhiều cứu cánh mà ta thấy nơi tình trạng rối như tơ vò và dường như không tháo gỡ được của nhân loại, được coi là một hiện tượng tâm lý. Niềm tin vào thuyết siêu tự nhiên không thể được giải thích bằng cách nào khác. Bảo rằng nó nảy sinh ra, tăng trưởng và phát triển khắp cả vô số thời đại mà không có nguyên nhân hoặc một chút cơ sở vật chất nào để dựa vào đó song chỉ là một điều hoang đường rỗng tuếch; thì có khác chi phát biểu một điều vô cùng phi lý giống như thuyết của thần học theo đó vũ trụ được sáng tạo ra từ hư vô.

Bây giờ đã quá trễ để phản kích một bằng chứng vốn biểu lộ thành ánh sáng chói lòa trọn vẹn của lúc đúng ngộ. Các tài liệu tự do cũng như các tài liệu của Ki Tô giáo và cơ quan của các thẩm quyền khoa học tiên tiến nhất đều bắt đầu đồng thanh phản đối thuyết giáo điều và những thành kiến hẹp hòi của thói thông thái rơm. *Thế giới Ki Tô giáo*, một tờ báo tôn giáo hòa giọng thêm vào giọng lưỡi của báo chí Luân Đôn không tin tưởng. Sau đây là một mẫu điển hình của óc phân biệt phải trái thông thường:

“Nó bảo, ^[4] nếu ta có thể chứng tỏ một cách thuyết phục rằng một đồng cốt là kẻ bị bọm, thì chúng tôi vẫn còn phản đối cái khuynh hướng mà một số người có thẩm quyền về vấn đề khoa học biểu lộ; họ coi thường và cú đầu mọi sự điều tra kỹ lưỡng về

[1] Polier: “Thần thoại học của người Ấn Độ”.

[2] *Sáng thế ký* vi. 4

[3] Mallett: “Cổ tích phương Bắc” do Bohn biên tập, trang 401-405.

[4] Trong “Tam cá nguyệt san” số ra năm 1859, Graham có một bài tường thuật kỳ lạ về nhiều đô thị Đông phương giờ đây bị bỏ hoang, trong đó các cánh cửa bằng đá có kích thước khổng lồ dường như không cân xứng với bản thân các dinh thự và ông nhận xét rằng nhà cửa đều mang đậm dấu ấn của một giống người khổng lồ thời xưa.

những đề tài mà ông Barrett đã lưu ý trong tờ báo của mình trước Hiệp hội Anh quốc. Vì các nhà thần linh học đã giao kết với nhiều điều phi lý cho nên chẳng có lý do gì mà các hiện tượng thu hút họ lại bị gạt bỏ là không đáng khảo sát. Chúng có thể là thuật thôi miên mesmer, thần nhãn hoặc một điều gì khác nữa. Nhưng xin các người khôn ngoan hãy bảo cho chúng tôi biết đó là gì chứ đừng hất hủi chúng tôi giống như những kẻ dốt nát rất thường hay hất hủi đám thiếu niên thắc mắc bằng câu cách ngôn dễ dàng nhưng không thỏa đáng: "Trẻ con không nên thắc mắc".

Như vậy đã đến lúc mà các nhà khoa học mất trọn quyền lắng nghe câu thơ của Milton: "Hỡi kẻ phải chịu lời khiển trách của mọi người chỉ vì mình chứng nhận sự thật". Sự thoái hóa đáng buồn và sự thoái hóa làm ta nhớ lại lời kêu lên của vị "Tiến sĩ vật lý", mà cách đây 180 năm Bác sĩ Henry More có đề cập tới, khi nghe nói câu chuyện về người đánh trống của Tedworth và Ann Walker "hiện nay đang kêu thét lên nếu điều này là đúng thì lúc nào tôi cũng lộn chuồng và phải bắt đầu tưởng trình trở lại" ^[1].

Nhưng vào thế kỷ của ta, mặc dù Huxley có ủng hộ giá trị "chứng cứ của con người" thì ngay cả Bác sĩ Henry More cũng đã trở thành một "kẻ nhiệt thành và một kẻ mơ mộng, cả hai đều hiệp nhất nơi cùng một người để cấu thành một kẻ *giả nhân giả nghĩa*" ^[2].

Điều mà khoa tâm lý học từ lâu rồi đã thiếu vắng việc khiến cho người ta hiểu rõ hơn và ứng dụng được những định luật bí nhiệm của nó vào những sự vụ bình thường cũng như những sự vụ phi thường trong cuộc sống, điều đó đâu phải là những sự kiện. Những điều này nó đã có thật phong phú. Nhu cầu đã là ghi nhận và phân loại chúng để coi đó là các quan sát viên lão luyện hay là các nhà phân tích có thẩm quyền. Chúng ắt đã được cung ứng từ các đoàn thể khoa học. Nếu sự sai lầm chiếm ưu thế và sự mê tín dị đoan hoành hành nhiều thế kỷ xuyên suốt giáo hội Ki Tô thì đó quả là niềm bất hạnh cho quần chúng và là sự khiển trách cho khoa học. Các thế hệ đã sinh ra và mất đi, mỗi thế hệ cung ứng định ngạch của mình bao gồm các thánh tử vì đạo đối với lương tâm và lòng can đảm đạo đức; thời nay ta ít hiểu tâm lý học nhiều hơn khi bàn tay thô bạo của Tòa thánh Vatican xua đẩy những kẻ bất hạnh can đảm này đi tới định mệnh không đúng lúc của họ và làm cho tâm trí họ ghi khắc dấu ô nhục của dị giáo và thuật phù thủy.

[1] Bác sĩ More: "Thư gửi Glanvil tác giả của 'Saducismus Triumphatus'".

[2] J.S.Y.: "Ma quỷ học tức Kiến thức Thiên nhiên được Khải huyền", trang 219, xuất bản năm 1827.